



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 2

Năm 2014

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi
bổ sung theo thông tư số 244/2009/TT-BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.612.486.561	187.523.929.721
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	7.481.713.765	24.515.494.949
1. Tiền	111		7.481.713.765	13.647.729.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.867.765.162
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	42.210.739.136	42.673.301.361
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59.690.156.000	61.954.136.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.479.416.864)	(19.280.834.639)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.737.160.813	117.799.354.716
1. Phải thu khách hàng	131		5.227.712.858	6.449.948.663
2. Trả trước cho người bán	132		7.616.806.549	85.799.625.113
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	3	13.892.641.406	25.549.780.940
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		56.608.971	43.813.382
1. Hàng tồn kho	141	4	56.608.971	43.813.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.126.263.876	2.491.965.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		686.933.692	386.504.617
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	38.130.512
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.439.330.184	2.067.330.184
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.270.032.636.291	1.294.785.898.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81.345.621.247	76.845.621.247
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5	81.345.621.247	76.845.621.247
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		618.435.521.805	662.305.788.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	3.171.911.258	2.344.961.306
- Nguyên giá	222		11.230.510.606	9.950.639.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.058.599.348)	(7.605.678.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	42.853.825.848	43.174.479.684
- Nguyên giá	228		47.084.099.490	47.084.099.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.230.273.642)	(3.909.619.806)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	572.409.784.699	616.786.347.775
III. Bất động sản đầu tư	240	9	175.840.245.693	179.039.700.824
- Nguyên giá	241		225.388.783.099	225.388.783.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(49.548.537.406)	(46.349.082.275)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		390.707.135.978	372.800.675.746
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	169.945.222.000	154.045.222.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	49.668.709.000	56.353.359.436
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	191.420.423.027	185.662.344.630
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.327.218.049)	(23.260.250.320)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		3.704.111.568	3.794.111.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.583.611.568	2.583.611.568
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.120.500.000	1.210.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.350.645.122.852	1.482.309.827.871
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		706.368.306.049	823.324.350.517
I. Nợ ngắn hạn	310		385.997.772.361	461.165.259.840
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	27.076.251.154	60.427.675.248
2. Phải trả người bán	312		6.042.918.363	3.810.712.537
3. Người mua trả tiền trước	313		156.112.319.855	179.366.247.551
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	19.560.633.086	6.796.906.468
5. Phải trả người lao động	315		27.733.116.682	30.415.871.234
6. Chi phí phải trả	316	15	10.408.983.227	12.469.584.234
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	139.007.458.633	164.623.597.375
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		56.091.361	3.254.665.193
II. Nợ dài hạn	330		320.370.533.688	362.159.090.677
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	17	117.525.193.052	115.427.465.521
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	148.120.208.890	191.887.691.844
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		54.725.131.746	54.843.933.312

B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		644.276.816.803	658.985.477.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	644.276.816.803	658.985.477.354
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(690.474.358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.008.399.052	67.717.059.603
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		1.350.645.122.852	1.482.309.827.871

Người lập



Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng



Ngô Văn Danh



Ngày 24 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bình Minh



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2014	Quý II/2013	Lũy kế	
					2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	91.238.000.047	15.003.873.148	104.616.453.178	31.402.436.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.375.680	20.688.500	46.720.180	40.954.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.214.624.367	14.983.184.648	104.569.732.998	31.361.482.932
4. Giá vốn hàng bán	11	21	64.078.100.945	7.920.716.609	70.683.908.666	15.475.614.687
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.136.523.422	7.062.468.039	33.885.824.332	15.885.868.245
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.554.351.640	9.940.563.051	17.300.407.535	15.200.397.456
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	3.456.539.192	8.370.846.395	7.104.530.776	14.261.184.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.240.521.590	6.542.713.814	6.972.899.755	12.431.600.499
8. Chi phí bán hàng	24		170.798.609	162.929.251	299.376.646	291.908.368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.826.939.079	7.258.828.368	11.554.301.285	13.283.856.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.236.598.182	1.210.427.076	32.228.023.160	3.249.316.796
11. Thu nhập khác	31		45.103.858	10.429.982.662	7.079.634.807	10.550.213.787
12. Chi phí khác	32		16.760.223.403	22.367.172	16.760.223.403	819.560.387
13. Lợi nhuận khác	40		(16.715.119.545)	10.407.615.490	(9.680.588.596)	9.730.653.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		12.521.478.637	11.618.042.566	22.547.434.564	12.979.970.196
- Trong đó: Thu nhập không chịu thuế			7.992.803.500	3.894.428.200	11.878.206.000	6.611.308.620
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		6.792.525.872	1.714.919.852	6.792.525.872	1.714.919.852
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	25	5.728.952.765	9.903.122.714	15.754.908.692	11.265.050.344

Người lập

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

Ngô Văn Danh

Ngày 24 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng 2014	06 tháng 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.547.434.564	12.979.970.196
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.973.029.733	4.455.063.290
- Các khoản dự phòng	03		(4.734.450.046)	1.596.964.960
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.771.641.737)	(6.693.243.294)
- Chi phí lãi vay	06		6.972.899.755	12.431.600.499
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.012.727.731)	24.770.355.651
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85.017.895.340	38.457.987.492
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.795.589)	19.869.396
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(17.620.576.648)	33.600.340.228
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	4.961.185
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.122.420.633)	(12.917.248.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.435.396.929)	(11.028.714)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(851.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.813.977.810	83.933.385.574
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.841.182.086)	(31.013.151.854)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21.513.809.092	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.517.088.806)	(4.022.117.587)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	575.867.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.115.609.854	6.670.439.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.271.148.054	(27.788.962.247)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		101.923.069.929	24.933.959.424
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(179.041.976.977)	(82.400.168.916)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77.118.907.048)	(57.466.209.492)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.033.781.184)	(1.321.786.165)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.515.494.949	4.455.549.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.481.713.765	3.133.763.462

Người lập

Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

BCLCTT



Ngày 24 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bình Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 2 NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.
- 4. Số lượng các Công ty con:**
 1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
 3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
 5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
 7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 8. Công Ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.
 - Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
 9. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Savico Mekong

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Địa chỉ: 55-55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
10. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
- Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
11. Công Ty TNHH Savico Vĩnh Long
- Địa chỉ: 291 Ấp An Nhơn, Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
- 5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:**
1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
 2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
 3. Công Ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành Savico
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06

6. Bất động sản đầu tư

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	18-50 năm
Nhà cửa	5-36 năm

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.002.397.507	642.550.099
Tiền gửi ngân hàng	6.479.316.258	13.005.179.688
Các khoản tương đương tiền	-	10.867.765.162
Cộng	7.481.713.765	24.515.494.949
2. Đầu tư ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.690.156.000	61.954.136.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(17.479.416.864)	(19.280.834.639)
Cộng	42.210.739.136	42.673.301.361

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 30/06/2014		Danh mục tại 01/01/2014	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
2	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
3	Cty CP Merufa	-	-	110.000	3.000.000.000
4	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
5	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
6	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	691.126	6.772.500.000	691.126	6.772.500.000
7	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	60.000	6.000.000.000	60.000	6.000.000.000
8	Cty CP TM Bến Thành (TSC)	182.129	3.289.960.000	182.129	3.289.960.000
9	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	30.000	204.000.000
10	Công ty CP Sông Đà 7.04	-	-	10.000	113.000.000
11	Công ty CP Sông Đà 6	-	-	50.000	732.000.000
12	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	74.390	1.785.020.000	-	-
Tổng cộng		3.688.405	59.690.156.000	3.805.015	61.954.136.000

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hỗ trợ tài chính ngắn hạn	10.914.061.967	15.342.281.757
- Phải thu khác	2.978.579.439	10.207.499.183
Cộng	13.892.641.406	25.549.780.940

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	14.947.844	-
- Hàng hóa	41.661.127	43.813.382
Cộng giá gốc hàng tồn kho	56.608.971	43.813.382

5. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hỗ trợ vốn cho công ty con	77.000.000.000	72.500.000.000
- Phải thu khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền	4.345.621.247	4.345.621.247
Cộng	81.345.621.247	76.845.621.247

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.030.443.103	2.637.468.847	2.282.727.938	9.950.639.888
Mua trong kỳ	-	-	1.279.870.718	1.279.870.718
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.030.443.103	2.637.468.847	3.562.598.656	11.230.510.606
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.508.952.501	2.060.468.815	2.036.257.266	7.605.678.582
Khấu hao trong kỳ	131.914.027	170.395.891	150.610.848	452.920.766
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.640.866.528	2.230.864.706	2.186.868.114	8.058.599.348
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	1.521.490.602	577.000.032	246.470.672	2.344.961.306
Số cuối kỳ	1.389.576.575	406.604.141	1.375.730.542	3.171.911.258

- Nguyên giá TSCĐ tăng 1.279.870.718 đồng là nguyên giá của xe ô tô Toyota Camry được trang bị tại Văn phòng Công ty vào tháng 2/2014;

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.261.595.807 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.634.054.30	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	14.634.054.30	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	3.473.749.806	435.870.000	3.909.619.806
Khấu hao trong kỳ	-	320.653.836	-	320.653.836
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	3.794.403.642	435.870.000	4.230.273.642
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.634.054.300	28.540.425.384	-	43.174.479.684
Số cuối kỳ	14.634.054.300	28.219.771.548	-	42.853.825.848

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự án	Số đầu năm	Tăng/(giảm) trong kỳ	Chuyển TSCD/BDSĐT	Số cuối kỳ
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	11.673.685.260	3.307.409.915	-	14.981.095.175
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	155.155.893.142	(511.824.177)	-	154.644.068.965
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	75.632.214.523	6.400.901.648	-	82.033.116.171
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	239.870.083	-	-	239.870.083
Công trình 104 Phổ Quang	26.303.521.184	5.967.668.411	-	32.271.189.595
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.670.213.016	828.000	-	10.671.041.016
Dự án Quốc Lộ 13	204.944.001.629	18.357.273	-	204.962.358.902
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	77.229.210.858	2.515.745.657	7.210.777.847	72.534.178.668
Dự án Dịch vụ th-ong mại		72.866.124	-	72.866.124
Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	54.937.738.080	136.364	54.937.874.444	-
Cộng	616.786.347.775	17.772.089.215	62.148.652.291	572.409.784.699

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

- + Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng: Hoàn tất thi công móng và sàn tầng hầm 1;
Hoàn tất việc chọn nhà thầu cung cấp thang máy, thang nâng;
Đang lựa chọn nhà thầu thi công M&E, phần thân và hoàn thiện;
- + Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước: Thi công hạ tầng Khu dân cư – hệ thống hố ga, bể xử lý nước thải và cống thoát nước – Đã hoàn thành và đang thực hiện quyết toán, thủ tục trước bạ các căn nhà đã hoàn tất xây dựng.
Đã thu góp vốn đối với 38 nền khu nhà liên kế; tiếp tục xúc tiến tiếp thị phần nền liên kế còn lại.
- + Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng: Hoàn thành xây villa mẫu và khối lượng hạ tầng dự án, đang thực hiện nghiệm thu, dự kiến hoàn tất vào tháng 4/2014;
Hoàn thành thiết kế khách sạn và villa; Tiếp tục xúc tiến quảng bá, tiếp thị để bán thêm các biệt thự.
Đã thực hiện hoàn tất các thủ tục và đã có Giấy phép kinh doanh của công ty con
- + Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc: Tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
- + Dự án 104 Phổ Quang: Đang thực hiện đàm phán với đối tác về phương án hợp tác.
- + Dự án 66-68 NKKN: Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để mời đối tác đầu tư.
- + Dự án Quốc lộ 13: Đang tiếp tục triển khai tìm đối tác hợp tác hoặc chuyển nhượng.
- + Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng: Hoàn thành đường giao thông nội bộ của dự án;
Đã chuyển nhượng được 39 nền.
- + Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng: Đã hoàn tất việc chuyển nhượng dự án.

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2014	Tăng/(Giảm) trong kỳ	30/06/2014
1. Nguyên giá	225.388.783.099	-	225.388.783.099
- Nhà	31.757.799.086	-	31.757.799.086

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà và QSDĐ	185.003.157.894	-	185.003.157.894
- T.bị P.vụ BĐS	8.627.826.119	-	8.627.826.119
2. Giá trị hao mòn	46.349.082.275	3.199.455.131	49.548.537.406
- Nhà	21.358.636.650	933.850.764	22.292.487.414
- Nhà và QSDĐ	17.571.522.387	2.072.752.410	19.644.274.797
- T.bị P.vụ BĐS	7.418.923.238	192.851.957	7.611.775.195
3. Giá trị còn lại	179.039.700.824	(3.199.455.131)	175.840.245.693
- Nhà	10.399.162.436	(933.850.764)	9.465.311.672
- Nhà và QSDĐ	167.431.635.507	(2.072.752.410)	165.358.883.097
- T.bị P.vụ BĐS	1.208.902.881	(192.851.957)	1.016.050.924

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng một phần dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng và toàn bộ dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng để thực hiện tăng bất động sản đầu tư. Đồng thời, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công các bất động sản đầu tư này.

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	33.312.000.000	33.312.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ôtô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn (*)	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	21.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Dịch Vụ Tổng Hợp Savico-Mekong	1.530.000.000	1.530.000.000
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	2.295.000.000	2.295.000.000
Cộng	169.945.222.000	154.045.222.000

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Ôtô Sông Hàn cho Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	31.750.000.000	31.750.000.000
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	16.798.709.000	16.798.709.000
Công ty TNHH TMDV TH Bến Thành SAVICO	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ Phần DANA – DANAFORD (**)	-	3.221.600.000
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe (***)	-	2.483.050.436
Công Ty TNHH DVTH Sài Gòn Khánh Hội (****)	-	980.000.000
Cộng	49.668.709.000	56.353.359.436

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(**) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần DANA cho Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.

(***) Công Ty Cổ Phần Siêu Xe hoàn tất thủ tục giải thể Doanh nghiệp vào ngày 31/01/2014.

(****) Công Ty TNHH DVTH Sài Gòn Khánh Hội hoàn tất thủ tục giải thể Doanh nghiệp vào ngày 30/06/2014.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	190.620.423.027	185.662.344.630
- Đầu tư dài hạn khác	800.000.000	-
Cộng	191.420.423.027	185.662.344.630

▪ Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	01/01/2014	Tăng/Giảm trong kỳ	30/6/2014	Ghi chú
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	42.943.996.276	-	42.943.996.276	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Khu biệt thự sinh thái Long Hòa - Cần Giờ	58.386.992.554	20.355.456	58.407.348.010	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%. Đã nộp tiền sử dụng đất.
Dự án 9 - 15 Lê Minh Xuân	792.176.070	-	792.176.070	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu.
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Tân Phú	689.179.730	4.937.722.941	5.626.902.671	Hợp tác với Titco để thực hiện dự án trung tâm Tiệc cưới; Khởi công xây dựng vào ngày 09/03/2014 và đang hoàn thiện công trình.
Dự án 115 – 117 Hồ Tùng Mậu (Cty TNHH Savico – Vinaland)	82.850.000.000	-	82.850.000.000	Thực hiện dự án cùng với Vinaland Ltd.Co. Dự án trong giai đoạn chuẩn bị khởi công.
Cộng	185.662.344.630	4.958.078.397	190.620.423.027	

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
+ NH Vietcombank TP,HCM	8.248.102.849	8.580.699.681
+ NH Indovina	-	29.274.966.739
+ NH Eximbank	3.835.079.305	-
Cộng	12.083.182.154	37.855.666.420
Vay dài hạn đến hạn trả		

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ NH Vietcombank TP,HCM	5.224.000.000	5.224.000.000
+ NH Sacombank	-	14.662.272.828
+ NH Eximbank	2.685.736.000	2.685.736.000
+ NH Indovina	7.083.333.000	-
Cộng	14.993.069.000	22.572.008.828
Cộng vay và nợ ngắn hạn	27.076.251.154	60.427.675.248

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.287.580.712	7.778.180
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.490.412.762	3.133.283.819
- Thuế thu nhập cá nhân	1.316.072.227	766.798.749
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.855.424.060	2.889.045.720
- Thuế khác	10.611.143.325	0
Cộng	19.560.633.086	6.796.906.468

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí thuê	203.143.229	203.143.229
- Chi phí kiểm toán BCTC	170.000.000	325.500.000
- Chi phí lãi vay phải trả	1.655.085.215	3.614.941.005
- Chi phí hoạt động kinh doanh	8.380.754.783	8.387.145.600
Cộng	10.408.983.227	12.469.584.234

16. Phải trả phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	439.296.693	445.969.832
- Cổ tức phải trả	30.123.184.425	672.909.075
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.444.977.515	163.504.718.468
Cộng	139.007.458.633	164.623.597.375

17. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận vốn góp vào Dự án Quốc lộ 13	25.098.400.000	26.098.400.000
Nhận ký quỹ vào Dự án 277-279LTT	45.418.976.300	43.621.215.625
Thu của ThuDucHouse từ Dự án Bình An	19.532.917.434	19.532.917.434
Thu cọc từ Dự án 104 Phổ Quang	14.549.119.468	14.549.119.468
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.925.779.850	11.625.812.994
Cộng	117.525.193.052	115.427.465.521

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	68.284.837.954
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	12.938.000.000	15.550.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	6.709.985.890	8.052.853.890
Ngân hàng Indovina	68.472.223.000	-
Cộng	88.120.208.890	91.887.691.844
Trái phiếu phát hành	60.000.000.000	100.000.000.000
Cộng vay và nợ dài hạn	148.120.208.890	191.887.691.844

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	63.437.841.258	654.706.259.009
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	-	-	35.539.523.530	35.539.523.530
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	(3.896.284.418)	(3.896.284.418)
Cổ tức chia 2013	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.888.513.767)	(1.888.513.767)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư 31/12/2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	67.717.059.603	658.985.477.354
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	15.754.908.692	15.754.908.692
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	(253.952.353)	(253.952.353)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(126.976.177)	(126.976.177)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(112.032.313)	(112.032.313)
Số dư 30/6/2014	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	53.008.399.052	644.276.816.803

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	101.928.230.000	101.928.230.000
Vốn góp của các cổ đông	148.027.500.000	148.027.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận****Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	249.955.730.000

Phân phối cổ tức:

- Đại Hội ĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 28/3/2014 đã thông qua tỉ lệ chi trả cổ tức cho năm 2013 là 12% trên mệnh giá.

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- Cổ phiếu phổ thông	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- Cổ phiếu phổ thông	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- Cổ phiếu phổ thông	24.975.507	24.975.507
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013
20. Doanh thu		
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	77.354.176.744	1.226.684.979
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.883.823.303	13.777.188.169
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	23.375.680	20.688.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.214.624.367	14.983.184.648
Trong đó:		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	77.330.801.064	1.205.996.479
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	13.883.823.303	13.777.188.169
21. Giá vốn hàng bán		
	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.556.829.366	1.236.174.861
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.521.271.579	6.684.541.748
Cộng	64.078.100.945	7.920.716.609

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.963.944	12.885.423
Lãi, cổ tức được chia	7.992.803.500	3.894.428.200
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	54.990.000	14.655.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.688.000	-
Thu hoạt động tài chính khác	2.458.906.196	6.018.594.428
Cộng	10.554.351.640	9.940.563.051

23. Chi phí tài chính

	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013
Chi phí lãi vay	3.240.521.590	6.542.713.814
Chi phí đầu tư tài chính	1.449.787.580	9.546.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.768.500	221.621.130
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.158.338.495)	1.596.964.960
Chi phí tài chính khác	805.800.017	-
Cộng	3.456.539.192	8.370.846.395

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Khoản mục	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013
- Chi phí mua hàng hóa	55.556.829.366	1.236.174.861
- Chi phí nhân công và nhân viên	3.623.780.533	5.306.192.077
- Chi phí khấu hao và phân bổ	1.982.969.376	2.216.497.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.293.138.771	5.484.953.773
- Các chi phí khác	4.619.120.587	1.098.656.074
Cộng	69.075.838.633	15.342.474.228

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế:

Khoản mục	Số tiền
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 06 tháng 2014	22.547.434.564
Các khoản làm tăng/giảm thu nhập chịu thuế	4.881.892.905
Tổng thu nhập chịu thuế	27.429.327.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế suất 22%)	6.034.452.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh cho các năm trước	758.073.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 06 tháng 2014	6.792.525.872
Lợi nhuận sau thuế TNDN của 06 tháng 2014	15.754.908.692

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. Giao dịch các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý II - 2014	Quý II - 2013
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Công ty con	Tiền thuê mặt bằng (MB)	-	1.609.244.800
		Phải thu ứng trước tiền mua xe	-	1.500.000.000
		Phải thu khoản hỗ trợ tài chính (HTTC) và lãi SDV	-	3.208.288.888
		Nhận hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính	4.386.418.340	12.000.000.000
		Phải trả khoản ký quỹ thuê MB	-	166.520.000
		Mua lại tài sản của công ty con	2.979.881.216	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Phải thu tiền thuê kho, mặt bằng và hoa hồng đại lý	35.244.000	192.588.600
		Thu khoản hoàn VAT từ công ty con	-	39.937.500
		Tiền thuê MB	325.402.000	125.912.000
		Hoa hồng và điện, nước phát sinh trong kỳ	411.578.750	402.578.665
		Phải trả tiền mua lại CCDC của công ty con	635.250.000	-
		Ứng trước tiền mua xe của công ty con	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Thu tiền thuê MB	854.040.000	1.708.080.000
		Phải trả khoản HTTC và lãi SDV	48.424.427.972	48.424.427.972
		Phải trả khoản ký quỹ thuê MB	1.220.000.000	220.000.000
		Tiền thuê MB phát sinh trong kỳ	1.829.784.000	776.400.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Doanh thu nhận trước cho thuê MB.	53.883.333.310	55.103.333.314
		Nhận cổ tức 2013	3.265.530.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Hỗ trợ tài chính cho công ty con	-	3.000.000.000
		DT Lãi sử dụng vốn phát sinh	2.198.777.778	2.335.597.222
		Thu lãi SDV từ Công ty con	1.500.000.000	3.000.000.000
		Phải thu khoản HTTC	80.216.334.189	72.777.111.967

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

		và lãi SDV		
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Công ty con	Phải thu lợi nhuận được chia	-	440.000.000
		Nhận hoàn trả hỗ trợ tài chính của công ty con	2.437.843.125	-
		Thu lãi sử dụng vốn của Công ty con	121.262.016	-
		Khoản HTTC và lãi SDV	3.020.000.000	-
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Công ty con	Hỗ trợ tài chính cho công ty con	-	400.000.000
		DT Lãi sử dụng vốn phát sinh	27.727.778	33.762.778
		Phải thu khoản HTTC và lãi SDV	1.427.727.778	1.458.310.556
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Công ty con	DT Lãi sử dụng vốn	65.817.361	125.223.889
		Công ty con trả gốc và lãi SDV	165.817.361	725.568.334
		Phải thu khoản HTTC	3.250.000.000	4.300.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng (TGP)	Công ty con	Nhận cổ tức 2013	2.043.570.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức	1.028.542.500	2.057.850.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Thuê MB phát sinh trong kỳ	578.490.000	525.900.000
		Tiền điện phát sinh trong kỳ	214.216.451	197.028.694
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Thuê MB phát sinh trong kỳ	255.490.400	347.633.000
		Tiền điện, nước phát sinh trong kỳ	-	8.052.723
		Lợi nhuận được chia năm 2012	-	336.000.000
		Mua lại CCDC của công ty liên kết	286.000.000	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. Giải trình chênh lệch Quý 2/2014 so với Quý 2/2013:**

Chỉ tiêu	Quý 2/ 2014	Quý 2/ 2013	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu thuần BH và DV	91.214.624.367	14.983.184.648	76.231.439.719	508,78
Giá vốn hàng bán	64.078.100.945	7.920.716.609	56.157.384.336	708,99
Lợi nhuận gộp	27.136.523.422	7.062.468.039	20.074.055.383	284,24
Doanh thu tài chính	10.554.351.640	9.940.563.051	613.788.589	6,17
Chi phí tài chính	3.456.539.192	8.370.846.395	(4.914.307.203)	(58,71)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.826.939.079	7.258.828.368	(2.431.889.289)	(33,50)
Lợi nhuận khác	(16.715.119.545)	10.407.615.490	(27.122.735.035)	(260,60)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.521.478.637	11.618.042.566	903.436.071	7,78

- ❖ Doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp tăng mạnh do trong Quý 2/2014, Công ty có hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư tại dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng. Quý 2/2013 không phát sinh;
- ❖ Chi phí tài chính giảm 58,71% so với cùng kỳ chủ yếu từ khoản giảm chi phí lãi vay do Công ty thực hiện thanh toán 40 tỷ đồng nợ trái phiếu và lãi suất vay ngân hàng giảm trong Quý 2/2014;
- ❖ Lợi nhuận khác giảm 27.122 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2013 là do trong Quý 2/2013, Công ty có phát sinh khoản thu nhập ngoài ngành kinh doanh chính là 10.400 triệu đồng (Quý 2/2014 không phát sinh). Đồng thời trong quý 2/2014, Công ty có phát sinh khoản nộp khác vào ngân sách Nhà nước là 16.600 triệu đồng.
- ❖ Tổng hợp biến động của các chỉ tiêu làm tăng, giảm lợi nhuận nêu trên đã làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2014 tăng 903 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2013.

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

Nguyễn Bình Minh

